

Bản án số: **12/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/5/2020

V/v “*Xin ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hưng Quang
2. Bà Thái Thị Dung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỳ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Ông Lư Ngọc Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 532/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-DS, ngày 10/4/2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Lê Thanh X**, sinh năm 1985

Địa chỉ: xóm A, thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: bà **Phạm Thị Y**, sinh năm 1990

Địa chỉ: xóm A, thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Lê Thanh X trình bày: ông và bà Phạm Thị Y xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng. Đến năm 2008 vợ chồng ông có đăng ký kết hôn tại UBND xã V.

Sau khi xác lập quan hệ, vợ chồng sống tại nhà cha mẹ ông được một khoảng thời gian thì vợ chồng ra ở riêng. Cuộc sống chung của vợ chồng ông rất hạnh phúc, không phát sinh mâu thuẫn gì nhưng khoảng cuối năm 2019 bà Y đột nhiên bỏ nhà ra đi, ông có nghe thông tin bà Y bỏ đi theo người đàn ông khác. Ông đã liên lạc gọi bà Y trở về nhưng bà Y không chịu về và yêu cầu ông làm đơn ly hôn đơn phương. Kể từ khi bà Y bỏ đi, một mình ông gồng gánh nuôi 03 con nhỏ, và nhờ sự giúp đỡ của ba mẹ ông mới vượt qua được giai đoạn khó khăn này. Bà Y không nghĩ đến các con, chưa một lần về thăm các con. Sau khi nộp đơn ly hôn ông có thông báo cho gia đình bà Y biết nhưng bà Y không chịu đến Tòa để giải quyết ly hôn với ông.

Hiện nay tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn nên ngày hôm nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phạm Thị Y.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung Lê Thanh S – sinh ngày 28/6/2007, Lê Thanh Tr – sinh ngày 10/7/2011 và Lê Thanh A – sinh ngày 10/5/2016. Hiện các con đang sống cùng ông, ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Phạm Thị Y: theo biên bản xác minh tại thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì bà Phạm Thị Y có hộ khẩu tại thôn H, xã V, huyện T. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của bà Phạm Thị Y theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng bà Y vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tòa án Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Lê Thanh X đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Phạm Thị Y thì theo biên bản xác minh ngày 06/12/2019 tại thôn H, xã V thì hiện bà Y có mặt tại địa phương nhưng bà Y không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Y có nơi cư trú tại thôn H, xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lê Thanh X thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án đã xác định địa chỉ của bà Y đúng theo địa chỉ của nguyên đơn cung cấp và tiến hành cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 172; khoản 3, khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho bà Phạm Thị Y, do bà Y vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về nội dung vụ án: hôn nhân giữa ông Lê Thanh X và bà Phạm Thị Y được xác lập là hợp pháp, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Bình Thuận tại giấy chứng nhận kết hôn số 54, ngày 17/9/2008. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà Y bỏ nhà ra đi, không quan tâm, chăm sóc các con, bỏ các con cho một mình ông X nuôi dưỡng. Việc bà Y bỏ đi đã làm cho tình trạng hôn nhân giữa ông X và bà Y lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông X đối với bà Y.

[3] Về con chung: vợ chồng có 03 con chung Lê Thanh S – sinh ngày 28/6/2007, Lê Thanh Tr – sinh ngày 10/7/2011 và Lê Thanh A – sinh ngày 10/5/2016. Hiện các con đang sống cùng ông X và có nguyện vọng được ở với ba.

Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Lê Thanh S và Lê Thanh Tr đã trên 7 tuổi, việc giao các cháu cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải xem xét đến nguyện vọng

của các cháu, nên giao cho ông X là người tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục các con đến khi trưởng thành.

Đối với Lê Thanh A dưới 7 tuổi từ khi bà Y bỏ đi cháu A đã ở với ông Xuân nên tiếp tục giao cháu A cho ông X nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: ông X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì ông X là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Thanh X đối với bà Phạm Thị Y.

Ông Lê Thanh X được ly hôn với bà Phạm Thị Y.

3/ Về con chung: giao cho ông Lê Thanh X tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung Lê Thanh S – sinh ngày 28/6/2007, Lê Thanh Tr – sinh ngày 10/7/2011 và Lê Thanh A – sinh ngày 10/5/2016 cho đến khi các con trưởng thành. Ông X không yêu cầu bà Y cấp dưỡng nuôi con.

Ông X không được ngăn cản bà Y quyền thăm con, chăm sóc và giáo dục con chung.

4/ Về án phí: Ông Lê Thanh X phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Ông X đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0029741 ngày 03/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phong, ông X đã nộp đủ án phí.

5/ Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (11/5/2020), bị đơn

vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thanh Nữ Kiều Oanh